

Bản án số: 464/2025/HS-PT

Ngày 22 - 8 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành;

Các Thẩm phán: Ông Trần Nam Phương;

Ông Nguyễn Đình Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 351/2024/TLPT-HS ngày 03 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Thanh H; do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 112/2024/HS-ST ngày 21-8-2024 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3).

- Bị cáo có kháng cáo: Nguyễn Thanh H, sinh năm 1991 tại Đồng Nai; Căn cước công dân số: 07509100650X; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai (nay là xã T, tỉnh Đồng Nai); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H1 và bà Lê Thị Đ; có vợ tên Phạm Thị Ngọc D; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 111/2021/HS-ST ngày 27-10-2021, bị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu xử phạt 30.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”, đã chấp hành xong bản án; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26-02-2024 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thanh H:* Ông Đào Bảo C, Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ; nơi làm việc: Văn phòng L; địa chỉ: Số B, đường N, khu phố A, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường B, tỉnh Đồng Nai); nơi cư trú: Số H, Quốc lộ A, khu phố C, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Bà Võ Thị Kiều N1, sinh năm 1980; Căn cước công dân số: 074180004806; nơi đăng ký thường trú: Tổ C, Ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai (nay là xã T, tỉnh Đồng Nai); có đơn đề nghị vắng mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại:* Ông Vũ Văn T, Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ; nơi làm việc: Văn phòng L1; địa chỉ: Số A, Tổ B, Khu phố E, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai); vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung chính:

Ngày 28-3-2017, ông Lại Thế T1, sinh năm 1983 (cư trú: Tổ G, Khu phố F, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai) mua xe ô tô Toyota Vios biển số 60A-374.37 với giá 650.000.000 đồng tại Công ty TNHH T4 (địa chỉ: Số F, đường T, Phường B, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh), hình thức mua xe trả góp, thế chấp giấy chứng nhận đăng ký xe tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q - Chi nhánh T5, Thành phố Hồ Chí Minh (*viết tắt là Ngân hàng V*), thời hạn trả góp 06 năm, kể từ 05-4-2017 đến 05-4-2023.

Ngày 18-11-2017, ông T1 bán lại xe ô tô trên cho ông Huỳnh Văn S, sinh năm 1987 (cư trú: Ấp A, xã T, huyện V) với giá 120.000.000 đồng, với điều kiện S có nghĩa vụ thanh toán khoản vay trả góp mua xe còn nợ tại Ngân hàng V. Ông T1 và S làm hợp đồng mua bán xe ô tô (viết tay) kèm theo bản chính giấy đăng kiểm xe ô tô, giấy chứng nhận bảo hiểm xe ô tô và bản sao chứng nhận giấy đăng ký xe ô tô do Ngân hàng V xác nhận có thời hạn 03 tháng.

Ngày 11-01-2018, Huỳnh Văn S mang xe ô tô biển số 60A-374.37 đến Tiệm C1 (địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện V) cầm cố cho chủ tiệm Nguyễn Thanh H, để vay 200.000.000 đồng, thời hạn cầm cố 01 tháng từ kể ngày 11-01-2018, nhưng S không trả nợ và bỏ đi khỏi địa phương.

Khoảng cuối tháng 9-2018, Nguyễn Thanh H liên hệ gặp bà Võ Thị Kiều N1, sinh năm 1980 (cư trú: Ấp B, xã T, huyện V) đề nghị cho H vay 225.000.000 đồng; bà N1 đồng ý cho H vay tiền, nhưng phải có tài sản thế chấp; H nảy sinh ý định đưa xe ô tô biển số 60A-374.37 cầm cố cho bà N1, để vay tiền; H nhận biết được xe ô tô 60A-374.37 là tài sản do ông Lại Thế T1 đứng tên chủ sở hữu và đang thế chấp cho Ngân hàng V, nhưng với mục đích chiếm đoạt tiền, thông qua hình thức cầm cố xe ô tô, nên H lên mạng internet, thuê người làm giả chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 60A-374.37 tên Lại Thế T1 và Hợp đồng ủy quyền được công chứng số 32564 quyển số 30/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27-9-2018 tại Văn phòng C2 (địa chỉ Khu phố E, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai), với nội dung: “*Ông Lại Thế T1 ủy quyền cho Nguyễn Thanh H toàn quyền quyết định xe ô tô biển số 60A-374.37*”.

Ngày 03-10-2018, H mang các giấy tờ giả trên, đến gặp bà Võ Thị Kiều N1 liên hệ cầm cố xe ô tô, để vay tiền; bà N1 sử dụng điện thoại Samsung chụp lại giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 60A-374.37. Sau khi bà N1 xem các loại giấy tờ xe ô tô 60A-374.37 không phát hiện giả, nên đồng ý cầm cố xe ô tô với giá 225.000.000 đồng. Vì bà N1 chưa rút được tiền gửi tại ngân hàng, nên đưa trước cho H 35.000.000 đồng và hai bên làm giấy vay mượn số tiền này.

Ngày 04-10-2018, bà Võ Thị Kiều N1 soạn thảo hợp đồng vay tiền và hợp đồng thế chấp xe ô tô dựa trên thông tin chứng nhận đăng ký xe do H cung cấp. Khoảng 18 giờ ngày 04-10-2018, H cùng Trần Tấn H2, sinh năm 1989, (cư trú: Ấp B, xã T, huyện V) điều khiển xe ô tô biển số 60A-374.37 đến gặp bà N1, để ký kết hợp đồng vay tiền có tài sản cầm cố như đã thỏa thuận. Hà kiểm tra nội dung hợp đồng vay tiền, hợp đồng cầm cố do bà N1 soạn thảo rồi ký kết với sự tham gia của người làm chứng là ông Nguyễn Văn G (đã chết); đồng thời, bà N1 chuyển giao cho H 190.000.000 đồng còn lại, H giao xe ô tô Vios biển số 60A-374.37 cho bà N1; H cùng H2 ra về.

Đến thời hạn trả nợ nhưng H không có khả năng thanh toán, nên H thỏa thuận sẽ bán lại xe ô tô hiệu Toyota Vios biển số 60A-374.37 cho bà N1 với giá 390.000.000 đồng. H nói dối với bà N1 là ông Lại Thế T1 chủ xe ô tô đồng ý bán xe, nhưng bà N1 phải ứng thêm 25.000.000 đồng; bà N1 tin tưởng nên đồng ý; đồng thời, yêu cầu H liên hệ ông T1, để trực tiếp ký kết hợp đồng mua bán xe tại phòng công chứng; tuy nhiên, H né tránh và gợi ý, để bà N1 đồng ý cách thức nhờ người khác làm dịch vụ sang tên xe sẽ nhanh chóng và thuận lợi hơn.

Ngày 11-12-2018, H hẹn bà N1 đến quán cà phê trên địa bàn thị trấn V, gặp người đàn ông H tự giới thiệu đó là ông Lại Thế T1, chủ xe ô tô biển số 60A-374.37, H yêu cầu bà N1 đưa thêm 25.000.000 đồng, để ký hợp đồng mua bán xe; bà N1 tin tưởng, nên giao 25.000.000 đồng cho người đàn ông H giới thiệu tên là T1, hai bên có viết giấy nhận tiền; chiều cùng ngày, H liên hệ 01 người đàn ông khác, đến nhà bà N1 và giới thiệu làm dịch vụ “cò” sang tên xe; người này yêu cầu bà N1 giao chứng nhận đăng ký xe, Hợp đồng ủy quyền (do H làm giả đã chuyển cho bà N1 trước đó) và 8.000.000 đồng, để làm thủ tục sang tên xe; hẹn 02 tuần, sẽ có chứng nhận đăng ký xe đứng tên Võ Thị Kiều N1. Bà N1 giao giấy tờ và tiền cho người đàn ông này nhưng sau hơn 02 tuần không nhận được thông tin phản hồi, bà N1 liên hệ gặp H hỏi rõ sự việc, thì được H đưa cho 01 giấy hẹn của Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đ ghi ngày 28-12-2018, hẹn bà N1 07 ngày đến nhận kết quả.

Sau đó, bà N1 mang xe ô tô biển số 60A-374.37 đến đại lý T6 để sửa chữa, thì nơi đây thông báo là xe ô tô trên đã được thế chấp tại Ngân hàng V; đồng thời, giữ lại xe theo đề nghị của Ngân hàng V. Bà N1 cầm giấy hẹn do H cung cấp đến Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đ hỏi kết quả, thì phát hiện giấy hẹn không phải do Phòng Cảnh sát giao thông phát hành. Bà N1 đã tố cáo hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V thụ lý, giải quyết theo quy định pháp luật.

2. Vật chứng:

- 01 giấy hẹn nhận kết quả cấp đổi đăng ký xe của Phòng C3 Công an tỉnh Đ đề ngày 28-12-2018, có chữ ký đề tên Đặng Thế T2 và không có đóng dấu mộc.

- 01 Giấy vay nợ viết tay đề ngày 03-10-2018 bà N1 cho H vay 35.000.000 đồng.

- 01 hợp đồng cho cá nhân vay tiền 225.000.000 đồng và 01 hợp đồng thế chấp xe ô tô đề ngày 04-10-2018 có chữ ký của Nguyễn Thanh H, Võ Thị Kiều N1 và người làm chứng ông Nguyễn Văn G.

- Hình ảnh Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 60A-374.37.

- 01 Hợp đồng cho cá nhân vay tiền đề ngày 01-11-2018 có chữ ký của Nguyễn Thanh H, Võ Thị Kiều N1.

- 01 USB hiệu King Ston 4 GB màu xanh có chứa 2 file hình ảnh chụp Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 60A-374.37.

Tất cả các giấy tờ trên đều do bà N1 cung cấp được lưu trong hồ sơ vụ án.

- Đối với xe ô tô Toyota biển số 60A-374.37 hiện bà N1 đã giao lại cho ông Nguyễn Văn H1 là cha ruột của Nguyễn Thanh H quản lý. Xe ô tô này do H cầm cố từ Huỳnh Văn S với số tiền 200.000.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu giữ xe ô tô trên, giành quyền khởi kiện cho các bên liên quan bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

3. Dân sự:

Tại cấp sơ thẩm, gia đình bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 225.000.000 đồng; bị hại không yêu cầu gì thêm.

4. Kết quả xác minh và giám định:

- Xác minh tại Ngân hàng V ngày 16-5-2019 thể hiện: Ngày 05-4-2017, Ngân hàng giải ngân cho ông Lại Thế T1 và bà Nguyễn Thị N, cùng trú tại Khu phố F, thị trấn V, huyện V số tiền 448.000.000 đồng, để thanh toán tiền mua xe ô tô biển số 60A-374.37 giữa ông T1 với Công ty Trách nhiệm hữu hạn T4. Ông T1 và bà N thế chấp xe ô tô 60A-374.37, để đảm bảo cho khoản vay. Sau khi thủ tục hoàn tất, Ngân hàng đã chuyển 448.000.000 đồng cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn T4, để thanh toán tiền mua xe ô tô 60A-374.37. Việc ông T1 và bà N thế chấp xe ô tô 60A-374.37 để đảm bảo khoản vay đã được đăng ký giao dịch bảo đảm.

- Lời khai của ông Lại Thế T1 (chủ sở hữu xe ô tô biển số 60A-374.37): Tất cả giấy tờ bản gốc gồm đăng ký xe, bảo hiểm, kiểm định đang được lưu giữ tại Ngân hàng V. Ông T1 không đến Văn phòng C2 để thực hiện việc ủy quyền cho bất kỳ ai đối với xe ô tô biển số 60A-374.37.

- Xác minh tại Văn phòng C2 ngày 21-5-2019: Trong năm 2018, Văn phòng C2 chỉ thực hiện giao dịch đến số 5960 và kết thúc giao dịch ở số E. Văn phòng C2 không chứng nhận về hợp đồng ủy quyền có số 32564.

- Xác minh tại Phòng C3 Công an tỉnh Đ ngày 29-5-2019: Phòng C3 Công an tỉnh Đ không phát hành giấy hẹn bà Võ Thị Kiều N1 đến nhận hồ sơ đổi đăng ký xe ô tô Toyota biển số 60A-374.37.

- Tại Kết luận giám định số: 4387/KL-KTHS ngày 25-7-2023 của Giám định viên Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: 02 tập tin hình ảnh ký hiệu A1, A2 có thông tin được chụp từ cùng một thiết bị camera có tên S1, camera model: “SM- N920L” cùng thời gian chụp lúc 17

giờ 39 phút ngày 03-10-2018. 02 tập tin hình ảnh ký hiệu A1, A2 không bị cắt ghép, chỉnh sửa.

- Tại Kết luận giám định số: 1293/KL-KTHS ngày 04-8-2023 của Giám định viên Phòng K - Công an tỉnh Đ: Chữ ký và chữ viết trên 01 hợp đồng cho cá nhân vay tiền, mang tên Bên A Võ Thị Kiều N1 và Bên B Nguyễn Thanh H đề ngày 04-10-2018 (ký hiệu A1); 01 Hợp đồng thế chấp xe ô tô (của khách vay), mang tên đại diện thế chấp: Nguyễn Thanh H, bên nhận thế chấp Võ Thị Kiều N1 đề ngày 04-10-2018 (ký hiệu A2) so với chữ ký trên 01 hợp đồng cho cá nhân vay tiền, mang tên Bên A Võ Thị Kiều N1 và Bên B Nguyễn Thanh H đề ngày 01-11-2018 (ký hiệu M1); 01 giấy vay nợ, mang tên người vay: Nguyễn Thanh H, đề ngày 03-10-2018 (ký hiệu M2); 01 Bản tự khai, đứng tên: Nguyễn Thanh H, đề ngày 16-5-2021 (ký hiệu M3) do cùng một người ký và viết ra.

5. Quyết định của cấp sơ thẩm:

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 112/2024/HS-ST ngày 21-8-2024 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3), đã quyết định:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Xử phạt Nguyễn Thanh H 08 (tám) năm tù.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

6. Kháng cáo:

Bị cáo Nguyễn Thanh H kháng cáo cho rằng hình phạt quá nghiêm khắc; bị cáo không lừa đảo mà chỉ là giao dịch dân sự vay tiền và bị cáo cũng đã trả lại cho bị hại; đề nghị xem xét lại bản án sơ thẩm.

7. Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Kiểm sát viên đã đánh giá, phát biểu quan điểm xử lý vụ án; mặc dù, bị cáo Nguyễn Thanh H quanh co, chối tội, nhưng thời điểm bị cáo mang xe đi giao phù hợp với lời khai ban đầu của bị cáo, lời khai của bị hại và thời gian xảy ra sự việc. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và hình phạt là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo

không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào đặc biệt mới; do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

8. Quan điểm của người bào chữa tại phiên tòa phúc thẩm:

Giao dịch giữa bị cáo và bị hại là giao dịch dân sự về vay mượn tiền, có thể chấp xe ô tô và giấy tờ phô tô; trong đơn bãi nại cho bị cáo, bị hại cũng xác nhận điều này. Khi bị cáo thế chấp xe ô tô biển số 60A-374.37, bị cáo cung cấp cho bà N1 bản phô tô giấy đăng ký xe và giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô; không có chứng cứ về việc bị cáo H đã đưa bản chính các tài liệu này; đồng thời, các tài liệu này cũng không có trong hồ sơ vụ án. Bà N1 không kiểm tra tình trạng pháp lý của xe nên là thiếu thận trọng, phải tự chịu trách nhiệm. Trong quá trình giải quyết vụ án, cơ quan tiến hành tố tụng không tính tiền lãi mà bị cáo đã trả cho bị hại là thiệt thòi cho bị cáo. Biên bản ghi lời khai của bị cáo ngày 16-5-2021 vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, có dấu hiệu của sự mớm cung nên lời khai có rất nhiều chi tiết mà người bình thường không thể khai được; do đó, đề nghị không công nhận chứng cứ này. Việc lấy lời khai bị can trong quá trình điều tra không được ghi âm, ghi hình là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, nên không có giá trị pháp lý; đồng thời, lời khai của bị cáo và một số người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn mâu thuẫn, (ví dụ như việc bị cáo không biết lái xe ô tô), và nhiều vấn đề khác nữa.

Bị cáo không có nghĩa vụ chứng minh mình vô tội, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án không có căn cứ để kết tội bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy tắc suy đoán vô tội, tuyên bị cáo không phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; đồng thời, trả tự do ngay cho bị cáo tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tội danh:

Về lời khai ban đầu của bị cáo Nguyễn Thanh H: Tại bản tự khai ngày 16-5-2021 (bút lục số 67) do chính bị cáo viết: “...trước hôm đó tôi có lên mạng và thấy có người đăng check gốc xe ô tô, xe máy nên tôi có nhờ người ta làm giúp check gốc, rồi 02 tiếng sau người ra gửi thông tin hình ảnh cavet xe cho tôi xem và người ta có làm thêm cho tôi một mặt giấy ủy quyền (thể hiện bằng hình ảnh) rồi hôm sau tôi cho chị N1 xem các giấy tờ trên bằng hình ảnh. Sau khi xem xong chị N1 đồng ý cho tôi vay số tiền 225.000.000 đồng...”.

Tại Biên bản ghi lời khai của bị cáo ngày 16-5-2021 (bút lục 90-93): “... *thời điểm đó tôi có biết một người tên T1 nhưng không rõ tên và địa chỉ và tôi được biết T1 chuyên làm công việc làm giấy chứng nhận chuyển quyền sở hữu xe ô tô, xe máy các loại cho bất kỳ ai có nhu cầu...*”; “ *Giấy ủy quyền và Giấy chứng nhận đăng ký xe nêu trên thì tôi lên trên mạng internet thuê lại của một người mà tôi không biết tên và địa chỉ rồi đề nghị họ làm giả...*”; “*Cuối tháng 9/2018, do kẹt tiền nên tôi nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của chị N1....như vậy tôi có ý thức chiếm đoạt tài sản của chị N1 trước khi làm giả giấy xe ô tô biển số: 60A-37437 giao cho chị N1 để chiếm đoạt tiền.*”

Bị cáo Nguyễn Thanh H thay đổi lời khai, không thừa nhận việc cung cấp chứng nhận đăng ký xe và hợp đồng ủy quyền cho bị hại để vay tiền; 02 tài liệu này, do bà N1 tự soạn thảo và đưa bị cáo ký khi giao tiền; bị cáo đã nói rõ với bà N1 nguồn gốc xe ô tô do nhận cầm của người khác, không có giấy chứng nhận đăng ký xe. Lý do bị cáo thay đổi lời khai là trước đây, bị cáo nghĩ là tranh chấp dân sự, nên bị cáo khai nhận như vậy; sau này, nhận thức được việc khai như vậy là phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, nên bị cáo đã khai lại.

Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thanh H xác nhận bị cáo không bị ép cung, dùng nhục hình trong quá trình điều tra.

- Tại “Hợp đồng vay tiền” ngày 04-10-2018, vay 225.000.000 đồng (bút lục số 57 và 58), thể hiện việc thế chấp xe vay tiền có căn cứ Hợp ủy quyền được công chứng số 32564 ngày 27-9-2018 tại Văn phòng C2, với nội dung: “*Ông Lại Thế T1 ủy quyền cho Nguyễn Thanh H toàn quyền quyết định xe ô tô biển số 60A-374.37*”.

- Lời khai ban đầu phù hợp với lời khai của bà Võ Thị Tuyết N2, ông Bùi Quốc T3 (chồng bà N2), thời gian bị cáo đem xe ô tô đi thế chấp và kết quả giám định. Bản thân bị cáo Nguyễn Thanh H làm nghề cầm cố tài sản, biết rõ theo quy định phải chính chủ (hoặc được ủy quyền hợp pháp) và giấy tờ xe bản chính mới đem đi thế chấp vay tiền được; do đó, để thế chấp xe ô tô cho bà Võ Thị Kiều N1, bị cáo H phải đưa thông tin gian dối và các tài liệu không hợp pháp về chủ sở hữu xe, từ đó, mới chiếm đoạt được số tiền 225.000.000 đồng của bị hại. Kết quả xác minh thể hiện Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 60A-374.37 do Ngân hàng V đang giữ và Văn phòng C2 không thực hiện chứng thực văn bản ủy quyền số 32546 ngày 27-9-2018.

- Đối với hành vi Nguyễn Thanh H thuê người làm giả Chứng nhận đăng ký xe và hợp đồng ủy quyền xe ô tô biển số 60A-374.37, quá trình điều tra không thu hồi được các loại giấy tờ giả do bị hại đã chuyển giao cho đối tượng H giới thiệu để làm thủ tục sang tên xe, nên chưa đủ cơ sở khởi tố, xử lý về hành vi sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức. Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý theo quy định pháp luật.

- Ngoài hành vi trên, hồ sơ thể hiện, Nguyễn Thanh H và 02 đối tượng khác còn có hành vi chiếm đoạt 25.000.000 đồng và 8.000.000 đồng vào ngày 11-12-2018 của bà Võ Thị Kiều N1. Kết quả điều tra H không thừa nhận, người trực tiếp nhận tiền từ bà N1 chưa xác định được, nên chưa đủ căn cứ khởi tố, xử lý về hành vi này. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tách vụ án, để điều tra và xử lý theo quy định pháp luật.

- Từ những nhận định trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Thanh H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2] Về kháng cáo:

2.1. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

2.2. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tại cấp sơ thẩm: Gia đình bị cáo Nguyễn Thanh H đã bồi thường thường thiệt hại; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Áp dụng điểm b khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Tại cấp phúc thẩm: Gia đình bị cáo Nguyễn Thanh H cung cấp tài liệu, thể hiện bị cáo là lao động chính trong gia đình. Áp dụng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

2.3. Về hình phạt và biện pháp ngăn chặn:

Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá toàn diện vụ án, xác định tội danh đúng và hình phạt là phù hợp; do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo. Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Thanh H, để bảo đảm cho công tác thi hành án.

[3] Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo Nguyễn Thanh H phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Chấp nhận quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm.

[5] Đối với quan điểm của người bào chữa: Ngoài Biên bản ghi lời khai của bị cáo ngày 16-5-2021 mà người bào chữa đề cập, bị cáo Nguyễn Thanh H còn có bản tự khai ngày 16-5-2021 (bút lục số 67) do chính bị cáo viết; việc bị cáo thay đổi lời khai là không có căn cứ chấp nhận. Các nội dung còn lại, như đã nhận định ở trên, không có cơ sở chấp nhận quan điểm của người bào chữa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1, 2 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thanh H.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 112/2024/HS-ST ngày 21-8-2024 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3).

1. Tội danh và hình phạt:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh H 08 (tám) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 26-02-2024.

2. Biện pháp ngăn chặn:

Căn cứ khoản 3 Điều 347 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Thanh H theo quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử, để đảm bảo thi hành án.

3. Về án phí:

Buộc bị cáo Nguyễn Thanh H phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người bào chữa;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án nhân dân khu vực 3;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3;
- Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Đồng Nai (PC01);
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Công an xã Trị An;
- Lưu: Hồ sơ vụ án và Văn phòng ⁽¹⁷⁾.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ VÀ ĐÓNG DẤU

Nguyễn Văn Thành